

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG THCS LƯƠNG KHÁNH THIỆN

DANH SÁCH HỌC SINH

**Đề nghị hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019
của Hội đồng nhân dân thành phố - Học kỳ 2 năm học 2024-2025**

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đặng Thùy An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
2	Nguyễn Quốc An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
3	Hoàng Hà Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
4	Nguyễn Hải Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
5	Nguyễn Ngọc Diệu Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
6	Nguyễn Quốc Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
7	Nguyễn Thị Hải Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
8	Tạ Thị Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
9	Bùi Nguyễn Ngọc Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
10	Lê Đức Bằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
11	Nguyễn Bảo Châu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
12	Nguyễn Hải Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
13	Bùi Trịnh Minh Doanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
14	Nguyễn Anh Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
15	Nguyễn Thùy Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
16	Phạm Quốc Đại	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
17	Bùi Đình Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
18	Nguyễn Trung Điền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
19	Nguyễn Minh Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
20	Nguyễn Thanh Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
21	Trần Minh Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
22	Nguyễn Minh Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
23	Bùi Gia Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
24	Trần Quang Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
25	Đỗ Huy Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
26	Nguyễn Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
27	Vũ Bảo Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
28	Phùng Kim Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
29	Trần Ngọc Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
30	Đoàn Bảo Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
31	Nguyễn Hải Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
32	Nguyễn Thế Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
33	Đỗ Yến Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
34	Nguyễn Lâm Phi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
35	Bùi Nam Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
36	Bùi Hoàng Phúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
37	Ninh Thị Mai Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
38	Đào Vũ Bảo Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
39	Phạm Hoàng Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
40	Phạm Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
41	Cao Phương Thanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
42	Trịnh Công Thành	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
43	Nguyễn Thu Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
44	Hà Minh Tiến	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
45	Đặng Huyền Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
46	Vũ Thị Minh Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
47	Vũ Hải Bình	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
48	Phạm Trung An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
49	Bùi Đình Đức Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
50	Bùi Lê Nguyên Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
51	Nguyễn Hoàng Hà Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
52	Phạm Hoàng Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
53	Tạ Mai Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
54	Võ Ngọc Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
55	Phan Đình Long Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
56	Bùi Hoàng Khánh Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
57	Nguyễn Thùy Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
58	Nguyễn Duy Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
59	Đỗ Trường Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
60	Nguyễn Ngọc Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
61	Bùi Quang Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
62	Hà Thị Minh Hằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
63	Đào Xuân Hiền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
64	Phạm Trung Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
65	Bùi Quốc Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
66	Hoàng Minh Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
67	Vũ Đức Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
68	Lê Minh Khang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
69	Đào Hoàng Lan	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
70	Nguyễn Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000



TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
71	Nguyễn Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
72	Nguyễn Đức Cao Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
73	Trần Lê Hải Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
74	Lê Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
75	Đinh Vũ Bảo Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
76	Nguyễn Linh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
77	Đoàn Thị Tuyết Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
78	Vũ Lâm Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
79	Mai Thanh Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
80	Trần Phạm Hùng Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
81	Nguyễn Anh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
82	Vũ Khánh Quỳnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
83	Trần Thanh Sơn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
84	Đỗ Phương Tâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
85	Vũ Hoàng Thanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
86	Bùi Chí Thành	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
87	Vũ Thanh Thủy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
88	Nguyễn Vũ Bảo Thy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
89	Phạm Bảo Trâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
90	Nguyễn Vũ Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
91	Bùi Mạnh Tuấn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
92	Nguyễn Phương Uyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
93	Vũ Thanh Vân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
94	Bùi Nhật Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
95	Trần Châu Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
96	Nguyễn Ngọc Lan Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
97	Đỗ Ngọc Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
98	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
99	Nguyễn Minh Châu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
100	Hồ Phúc Diên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
101	Đỗ Tiến Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
102	Nguyễn Tiến Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
103	Nguyễn Hương Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
104	Vũ Trường Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	310,000	0
105	Nguyễn Hoàng Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
106	Nguyễn Trần Thu Hằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
107	Nguyễn Minh Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
108	Dương Thị Khánh Huyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000



TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
109	Nguyễn Duy Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
110	Nguyễn Nam Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
111	Dương Trung Kiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
112	Nguyễn Hoàng Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
113	Nguyễn Diệu Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
114	Nguyễn Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	155,000	155,000
115	Nguyễn Thị Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
116	Ngô Đào Bảo Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
117	Nguyễn Thiên Kim Hoàng Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
118	Vũ Hoàng Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
119	Nguyễn Trúc Ly	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
120	Nguyễn Thanh Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
121	Dương Đức Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
122	Phạm Thu Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
123	Lưu Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
124	Nguyễn Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
125	Bùi Gia Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
126	Nguyễn Thanh Nhân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
127	Nguyễn Khánh Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
128	Phạm Tuyết Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
129	Nguyễn Đức Phú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
130	Hoàng Thị Minh Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
131	Bùi Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
132	Nguyễn Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
133	Lại Thị Minh Thu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
134	Phạm Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
135	Lê Thái Tuấn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
136	Nguyễn Minh Tuấn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
137	Nguyễn Đức Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
138	Nguyễn Phương Vi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
139	Lê Huy Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
140	Nguyễn Minh Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
141	Hà Vũ Phương Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
142	Nguyễn Thị Hằng Nga	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
143	Tăng Bảo An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
144	Tăng Nguyễn Bình An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
145	Đỗ Việt Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
146	Nguyễn Quang Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
147	Nguyễn Việt Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
148	Lê Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
149	Nguyễn Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
150	Nguyễn Ngọc Bích	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
151	Nguyễn Quốc Chí	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
152	Đỗ Thị Ngọc Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
153	Nguyễn Minh Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
154	Vũ Long Hưng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
155	Trịnh Gia Bảo Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
156	Trịnh Gia Bảo Ly	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
157	Nguyễn Thanh Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
158	Lê Thị Trà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
159	Nguyễn Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
160	Dương Chí Nghĩa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
161	Vũ Thị Huyền Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
162	Vũ Yến Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
163	Phạm Trường Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
164	Bùi Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
165	Nguyễn Như Quỳnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
166	Trịnh Đặng Diễm Quỳnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
167	Nguyễn Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
168	Trần Xuân Thịnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
169	Nguyễn Kim Thoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
170	Đào Thu Thủy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
171	Nguyễn Thu Thủy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
172	Đỗ Nguyễn Thùy Tiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
173	Thân Quỳnh Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
174	Nguyễn Thủy Triều	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
175	Trần Lương Bảo Triệu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
176	Nguyễn Phú Trọng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
177	Lý Ngọc Trường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
178	Văn Đức Minh Tú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
179	Ninh Thị Ánh Tuyết	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
180	Trần Hà Vân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
181	Trịnh Long Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
182	Dương Hà Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
183	Hoàng Tiến Công	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
184	Nguyễn Đức Bá Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
185	Vũ Hoàng Bảo Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
186	Nguyễn Hoàng Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
187	Nguyễn Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
188	Nguyễn Tuấn Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
189	Phạm Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
190	Phạm Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
191	Quách Đỗ Đức Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
192	Trần Nguyễn Quỳnh Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
193	Trần Ngọc Diễm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
194	Phan Bảo Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
195	Nguyễn Nam Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
196	Đào Nguyễn Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
197	Nguyễn Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
198	Nguyễn Trường Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
199	Phạm Thị Ngân Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
200	Nguyễn Thu Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
201	Nguyễn Vũ Phương Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
202	Đỗ Mạnh Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
203	Lương Mạnh Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
204	Đỗ Minh Hằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
205	Lê Nguyễn Thanh Hằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
206	Trịnh Thanh Hoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
207	Trần Tiến Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
208	Lê Hoàng Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
209	Nguyễn Mai Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
210	Nguyễn Thị Thùy Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
211	Nguyễn Sỹ Hưng Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
212	Nguyễn Sỹ Minh Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
213	Lương Thị Hà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
214	Nguyễn Hà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
215	Đào Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
216	Nguyễn Kim Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
217	Vũ Thị Kim Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
218	Phạm Bảo Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
219	Nguyễn Hải Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
220	Nguyễn Hà Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
221	Nguyễn Hoàng Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
222	Lương Ngọc Quý	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
223	Nguyễn Thành Tài	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
224	Phạm Tuấn Tài	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	310,000	0
225	Nguyễn Huyền Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
226	Lê Thanh Tú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
227	Cao Việt Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
228	Trần Quân Tuyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
229	Nguyễn Phương Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
230	Nguyễn Đức Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
231	Bùi Việt Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
232	Nguyễn Trần Thành Công	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	310,000	0
233	Phạm Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
234	Hoàng Khánh Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
235	Vũ Khánh Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
236	Nguyễn Thủy Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
237	Nguyễn Tuấn Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
238	Bùi Thành Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
239	Nguyễn Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
240	Bùi Hoàng Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
241	Bùi Quang Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
242	Dương Mộc Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
243	Hà Minh Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
244	Phạm Quang Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
245	Trịnh Gia Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
246	Nguyễn Văn Hưng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
247	Đỗ Trung Kiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
248	Phạm Minh Tùng Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
249	Vũ Duy Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
250	Nguyễn Hoàng Hải Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
251	Trần Gia Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	310,000	0
252	Trịnh Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
253	Hoàng Văn Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
254	Vũ Phạm Đức Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
255	Dương Vũ Bình Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
256	Hà Tuấn Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
257	La Lương Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
258	Phạm Bình Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
259	Nguyễn Thị Thanh Nhân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

LÀM
NG
CƠ
HÀNH TH

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
260	Nguyễn Ngọc Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
261	Phạm Thị Kim Oanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
262	Nguyễn Khánh Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
263	Tăng Hà Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
264	Nguyễn Đức Minh Sơn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
265	Trần Yến Thanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
266	Nguyễn Hữu Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
267	Vũ Ngọc Thu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
268	Phạm Thị Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
269	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
270	Lê Phương Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
271	Hoàng Mai Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
272	Nguyễn Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
273	Phạm Thị Lan Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
274	Nguyễn Ngọc Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
275	Phan Thị Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
276	Vũ Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
277	Vũ Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
278	Tạ Tuấn Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
279	Vũ Đức Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
280	Trần Thùy Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
281	Nguyễn Hương Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
282	Đặng An Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
283	Vũ Trọng Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
284	Nguyễn Việt Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
285	Ngô Doãn Tùng Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
286	Lê Lê	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
287	Hoàng Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
288	Nguyễn Hà Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
289	Bùi Phương Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
290	Ngô Hiền Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
291	Nguyễn Tiến Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
292	Nguyễn Hoàng Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
293	Lâm Thu Nga	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
294	Đoàn Minh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
295	Bùi Quang Phúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
296	Đỗ Hà Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
297	Trịnh Minh Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000



TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
298	Tăng Văn Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
299	Nguyễn Tuấn Sang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
300	Nguyễn Việt Thái	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
301	Nguyễn Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
302	Phạm Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
303	Vũ Trần Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
304	Lê Đức Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
305	Văn Đức Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
306	Nguyễn Hoàng Gia Thiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
307	Nguyễn Thị Anh Thơ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
308	Trần Quỳnh Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
309	Văn Đức Trọng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
310	Nguyễn Quang Vinh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
311	Nguyễn Quang Vinh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
312	Nguyễn Thế Vinh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
313	Nguyễn Gia Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
314	Dương Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
315	Lê Đức Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
316	Lê Hoàng Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
317	Lê Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
318	Nguyễn Đức Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
319	Nguyễn Quỳnh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
320	Phạm Quỳnh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
321	Nguyễn Thị Hồng Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
322	Nguyễn Đăng Bách	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
323	Nguyễn Hoàng Kim Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
324	Nguyễn Linh Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
325	Phạm Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
326	Phạm Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
327	Vũ Khánh Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
328	Nguyễn Thành Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
329	Lương Trung Đức	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
330	Lê Huy Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
331	Lê Minh Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
332	Phạm Lê Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
333	Vũ Nam Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
334	Nguyễn Tuấn Hưng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
335	Nguyễn Đắc Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
336	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
337	Bùi Trung Kiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
338	Dương Bảo Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
339	Lại Thùy Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
340	Lê Nhật Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
341	Phạm Nguyệt Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
342	Vũ Tiến Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
343	Đỗ Như Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
344	Phạm Bảo Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
345	Quách Tuấn Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
346	Vũ Trung Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
347	Nguyễn Thiện Nhân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
348	Đặng Nhật Thái Sơn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
349	Bùi Sỹ Thái	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
350	Dương Nguyệt Thanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
351	Nguyễn Thị Minh Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
352	Bùi Thu Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
353	Nguyễn Hà Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
354	Vũ Thanh Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
355	Nguyễn Hải Tuyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
356	Bùi Diệu Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	310,000	0
357	Đỗ Hoàng Bảo Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
358	Đoàn Thái Thiên An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
359	Nguyễn Thái An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
360	Đỗ Quang Thiện Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
361	Nguyễn Ngọc Trang Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
362	Nguyễn Ngọc Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	310,000	0
363	Dương Bảo Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
364	Dương Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
365	Nguyễn Trần Minh Châu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
366	Bùi Đặng Hà Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
367	Ngô Khánh Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
368	Vũ Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
369	Phạm Quốc Doanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
370	Ngô Trí Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
371	Cao Quý Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
372	Đào Ánh Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
373	Đặng Khánh Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000



TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
374	Đỗ Tất Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
375	Lương Thị Bảo Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
376	Nguyễn Bách Khoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
377	Lê Nguyễn Thành Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
378	Nguyễn Thị Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
379	Đỗ Thị Ngọc Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
380	Hoàng Bảo Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
381	Lương Tuấn Nghĩa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
382	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
383	Lương Chấn Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
384	Nguyễn Khôi Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
385	Lê Hồng Nhung	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
386	Nguyễn Nam Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
387	Nguyễn Nam Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
388	Nguyễn Diệp Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
389	Phạm Thị Như Quỳnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
390	Phạm Danh Thái	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
391	Nguyễn Minh Thành	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
392	Lương Bích Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
393	Nguyễn Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
394	Nguyễn Đức Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
395	Nguyễn Đức Thịnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
396	Bùi Thu Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	155,000	155,000
397	Nguyễn Quang Trường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
398	Nguyễn Thanh Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
399	Ngô Trọng Công Vinh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
400	Hoàng Minh Thái	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
401	Dương Tuệ Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
402	Nguyễn Việt Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
403	Dương Hà Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
404	Ngô Tú Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
405	Nguyễn Ngọc Hà Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
406	Nguyễn Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
407	Phùng Gia Bảo Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
408	Phạm Thiện Căn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
409	Vũ Hoàng Thùy Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
410	Lương Thanh Chúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
411	Phạm Mạnh Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

H.A
TRƯ
UNG H
ƯNG K
40

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
412	Phan Tuấn Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
413	Nguyễn Thùy Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
414	Đỗ Thành Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
415	Đỗ Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
416	Lương Ngọc Anh Đức	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
417	Nguyễn Anh Đức	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
418	Hoàng Thị Thu Hằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
419	Dương Văn Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
420	Đỗ Minh Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
421	Trần Văn Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
422	Nguyễn Minh Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
423	Tăng Minh Hương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
424	Vũ Thu Hương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
425	Vũ Thế Khang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
426	Đỗ Gia Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
427	Lê Đức Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
428	Ngô Đức Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
429	Đồng Xuân Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
430	Nguyễn Anh Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
431	Nguyễn Hà Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
432	Nguyễn Thu Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
433	Nhân Thị Thanh Nhân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
434	Nguyễn Thị Lan Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
435	Nguyễn Tiến Phát	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
436	Phạm Minh Phúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
437	Trần Vũ Gia Phúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
438	Lê Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
439	Phạm Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
440	Phan Huyền Thanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
441	Trần Lê Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	310,000	0
442	Trịnh Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
443	Nguyễn Xuân Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
444	Đỗ Anh Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
445	Trịnh Xuân Trường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
446	Nguyễn Tú Uyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
447	Nguyễn Khánh Vân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
448	Lê Hoàng Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	310,000	0
449	Lại Thị Hải Yến	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
450	Tần Lê Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
451	Ngô Thị Ngọc Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
452	Phạm Quỳnh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
453	Phạm Thị Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
454	Trịnh Huy Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
455	Nguyễn Hữu Bình	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
456	Phạm Tiến Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
457	Hà Mạnh Huy Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
458	Nguyễn Duy Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
459	Vũ Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
460	Nguyễn Thùy Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
461	Phạm An Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
462	Nguyễn Hoàng Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
463	Nguyễn Lê Trung Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
464	Vũ Huyền Hương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
465	Nguyễn Thúy Hường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
466	Nguyễn Duy Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
467	Ninh Quốc Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
468	Đỗ Đăng Khoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
469	Phùng Lê Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
470	Lương Thị Mai Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
471	Trịnh Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
472	Nguyễn Hải Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
473	Nguyễn Hoàng Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
474	Phạm Hoàng Lộc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
475	Nguyễn Đức Mạnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
476	Trịnh Hòa Mi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
477	Đinh Quang Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
478	Nguyễn Tiến Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
479	Phạm Như Bảo Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
480	Đinh Thị Hồng Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
481	Nguyễn Minh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
482	Nguyễn Thảo Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
483	Phạm Lưu Bảo Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
484	Đinh Thị Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
485	Nguyễn Thị Anh Thơ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
486	Lương Thanh Thủy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
487	Lê Minh Thu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
488	Lâm Thủy Tiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
489	Nguyễn Tuấn Tú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
490	Phạm Mạnh Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
491	Phùng Đỗ Cát Tường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
492	Nguyễn Ngọc Tường Vi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
493	Nguyễn Tuấn Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
494	Ngô Phương Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
495	Hoàng Thị Hà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
496	Phạm Huệ Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
497	Phạm Vũ Bằng Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
498	Phan Khánh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
499	Lê Thị Hải An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
500	Nguyễn Vũ Khánh An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
501	Lại Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
502	Lê Tùng Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
503	Nguyễn Mai Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
504	Nguyễn Mai Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
505	Nguyễn Minh Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
506	Đào Vũ Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
507	Phạm Đức Minh Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
508	Phan Hải Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
509	Nguyễn Hoàng Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
510	Phan Đăng Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
511	Nguyễn Hương Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
512	Nguyễn Thu Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
513	Tăng Tân Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
514	Phạm Huy Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
515	Nguyễn Bích Huyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
516	Trịnh Thu Huyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
517	Đỗ Xuân Khang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
518	Vũ Đức Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
519	Nguyễn Đăng Khoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
520	Bùi Trọng Lân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
521	Nguyễn Hoàng Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
522	Phạm Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
523	Vũ Ngọc Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
524	Vũ Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
525	Hoàng Ngọc Luân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
526	Nguyễn Hiền Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
527	Nguyễn Tuấn Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
528	Trần Bình Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
529	Nguyễn Trà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
530	Phùng Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
531	Đỗ Long Nhật	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
532	Nguyễn Thanh Phúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
533	Trần Gia Phúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
534	Hoàng Minh Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
535	Nguyễn Thị Mai Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
536	Phạm Văn Quyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
537	Vũ Tấn Sang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
538	Đào Xuân Sơn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
539	Hoàng Hải Sơn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
540	Nguyễn Trường Thịnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
541	Bùi Anh Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
542	Nguyễn Anh Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
543	Nguyễn Hà Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
544	Phan Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
545	Nguyễn Thế Tuấn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
546	Phạm Hoàng Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
547	Nguyễn Hoàng Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
548	Phạm Thanh Vân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
549	Nguyễn Đức Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
550	Nguyễn Văn Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
551	Phạm Việt Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
552	Vũ Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
553	Đoàn Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
554	Nguyễn Hiếu Du	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
555	Nguyễn Bá Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
556	Nguyễn Đăng Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
557	Vũ Khánh Đan	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
558	Nguyễn Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
559	Phạm Quý Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
560	Hoàng Ngọc Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
561	Lương Ngọc Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
562	Vũ An Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
563	Vũ Thị Thu Hằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
564	Mai Trung Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
565	Trịnh Long Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
566	Vũ Nguyễn Gia Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
567	Bùi Ngọc Đăng Khôi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
568	Nguyễn Gia Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
569	Nguyễn Thị Mỹ Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
570	Triệu Thảo Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
571	Vũ Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
572	Đào Thị Thanh Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
573	Nguyễn Hoàng Ngọc Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
574	Phạm Bình Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
575	Vũ Tuấn Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
576	Nguyễn Phương Hà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
577	Lê Thị Thanh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
578	Nguyễn Bảo Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
579	Trịnh Bích Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
580	Phạm Khôi Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
581	Hoàng Minh Nhật	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
582	Phạm Đức Phú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
583	Nguyễn Tuệ Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
584	Lê Văn Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
585	Hoàng Ngọc Quyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
586	Bùi Thị Hải Quỳnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
587	Bùi Ngọc Thanh Tâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
588	Nguyễn Trọng Tấn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
589	Trần Trí Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
590	Nguyễn Quyết Tiến	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
591	Ngô Thị Huyền Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
592	Nguyễn Đoàn Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
593	Lê Thị Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
594	Nguyễn Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
595	Đặng Duy Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
596	Nguyễn Hải Yến	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
597	Nguyễn Đăng Khoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
598	Đỗ Văn Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
599	Nguyễn Kim Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
600	Vũ Hoàng Hà Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
601	Trần Việt Cường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000



TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
602	Lương Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
603	Ngô Trung Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
604	Nguyễn Đức Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
605	Vũ Tùng Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
606	Nguyễn Minh Đức	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
607	Phạm Trung Đức	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
608	Nguyễn Đức Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
609	Nguyễn Ngọc Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
610	Phạm Gia Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
611	Trần Vũ Bảo Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
612	Giang Thị Minh Hiền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
613	Nguyễn Hoàng Hiệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
614	Lê Đức Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
615	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
616	Vũ Ngọc Minh Khang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
617	Nguyễn Đăng Khoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
618	Bùi Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
619	Lê Song Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
620	Phạm Hoàng Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
621	Lưu Hoàng Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
622	Nguyễn Bảo Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
623	Phạm Hà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
624	Phạm Ngọc Thảo My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
625	Nguyễn Bảo Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
626	Phạm Lê Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
627	Nguyễn Thị Khánh Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
628	Nguyễn Bảo Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
629	Nguyễn Khánh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
630	Nguyễn Thảo Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
631	Nguyễn Thanh Nhân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
632	Nguyễn Đăng Gia Phú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	155,000	155,000
633	Nguyễn Minh Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
634	Phạm Việt Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
635	Phan Viết Đăng Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
636	Trịnh Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
637	Nguyễn Hoàng Thảo Quyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
638	Nguyễn Thanh Tâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
639	Lê Việt Thành	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
640	Bùi Minh Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
641	Hoàng Đức Trung	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
642	Nguyễn Văn Trung	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
643	Phạm Nguyễn Cẩm Tú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
644	Nguyễn Như Ý	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
645	Hà Hải Yến	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
646	Phan Ngọc Cát An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
647	Đỗ Quỳnh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
648	Nguyễn Diệu Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
649	Nguyễn Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
650	Nguyễn Thị Hà Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
651	Phạm Quỳnh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
652	Nguyễn Ngọc Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
653	Phạm Thị Minh Châu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
654	Nguyễn Quang Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
655	Nguyễn Mỹ Duyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
656	Trịnh Phú Đại	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
657	Lê Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
658	Nguyễn Lê Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
659	Nguyễn Minh Điền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
660	Bùi Ngọc Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
661	Phạm Ngọc Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
662	Phùng Ngọc Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
663	Nguyễn Tuấn Hậu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
664	Vũ Minh Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
665	Ôn Duy Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	155,000	155,000
666	Nguyễn Đình Lâm Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
667	Nguyễn Minh Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
668	Đình Nam Hưng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
669	Nguyễn Mai Hương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
670	Nguyễn Minh Hương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
671	Đình Đoàn Văn Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
672	Đỗ Đăng Khoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
673	Phạm Tuấn Kiệt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
674	Nguyễn Phạm Trúc Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
675	Phạm Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
676	Nguyễn Hoàng Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
677	Vũ Nhật Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
678	Bùi Hà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
679	Vũ Đình Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
680	Nguyễn Minh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
681	Phạm Thị Bảo Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
682	Trịnh Minh Nhật	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
683	Phạm Dương Yến Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
684	Phạm Hoàng Yến Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
685	Nguyễn Nam Thái	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
686	Ngô Nam Thành	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
687	Đỗ Việt Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
688	Đỗ Trí Thiện	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
689	Nguyễn Phú Thịnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
690	Nguyễn Đức Thuận	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
691	Phạm Huyền Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
692	Trần Ngọc Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
693	Bùi Huy Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
694	Nguyễn Khôi Uyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
695	Nguyễn Hoàng Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
696	Lê Hoàng Quỳnh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
697	Nguyễn Đức Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
698	Nguyễn Trung Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
699	Bùi Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
700	Lê Minh Chí Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
701	Nghiêm Quốc Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
702	Trịnh Thu Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
703	Trần Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
704	Lê Tuấn Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
705	Nguyễn Mỹ Duyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
706	Phạm Ánh Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
707	Nguyễn Hồng Minh Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
708	Hoàng Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
709	Phạm Chí Đức	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
710	Hoàng Khánh Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
711	Đỗ Thùy Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
712	Quách Trung Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
713	Đào Thu Hương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
714	Lê Đức Kiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
715	Nguyễn Đức Kiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến T12/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
716	Trần Tuấn Kiệt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
717	Nguyễn Hùng Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
718	Ngô Bảo Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
719	Trần Ngọc Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
720	Nguyễn Phúc Tuệ Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
721	Đỗ Hoàng Trà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
722	Phạm Thành Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
723	Lê Thị Kim Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
724	Nguyễn Thanh Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
725	Lương Bích Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
726	Nguyễn Khánh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
727	Nguyễn Thảo Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
728	Đoàn Yến Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
729	Nguyễn Huỳnh Thiên Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
730	Trịnh Thị Hồng Nhung	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
731	Phạm Thị Kiều Oanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
732	Nguyễn Minh Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
733	Nguyễn Thị Như Quỳnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
734	Nguyễn Tuấn Sơn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
735	Phùng Anh Thái	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
736	Lương Thị Hải Thanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
737	Nguyễn Hoàng Xuân Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
738	Phú Quyết Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
739	Nguyễn Hà Thu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
740	Phan Thị Hà Thu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
741	Nguyễn Bảo Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
742	Mai Dương Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
743	Trịnh Linh Cát Tường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
Tổng					230,330,000	3,100,000	227,230,000

Người lập biểu

Nguyễn Thị Trang

An Lão, ngày 12 tháng 3 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Bình